TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Thanh Hoàng;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 "Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: HTX lúa giống 9 Táo – LK. Trụ sở: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lại Văn G, sinh năm 1968, nơi cư trú: số 41/9C, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh Atheo giấy ủy quyền chứng thực ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang (số 8/18, đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Xuân M,

sinh năm 1956, cùng cư trú: tổ 7, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Thời gian từ ngày 03/12/2015 đến ngày 22/4/2017, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Xuân M có mua lúa giống của HTX lúa giống 9 Táo – LK với số tiền còn nợ là 334.600.000 đồng, có ghi chi tiết danh sách công nợ không ghi ngày tháng. Đến ngày 14 tháng 8 năm 2017 ông Đ, bà M có ký "tờ cam kết", với nội dung xác nhận nợ Hợp tác xã số tiền mua lúa giống là 334.600.000 đồng và có thỏa thuận 15 ngày sẽ trả 10-15 triệu đồng, nhưng ông Đ, bà M không thực hiện.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định trong thời gian trước và sau khi khởi kiện bị đơn có chuyển khoản trả được 36.600.000 đồng, còn nợ số tiền 298.000.000 đồng (334.600.000đ – 36.600.000đ), yêu cầu trả số tiền này.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định 3.400.000 đồng, yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày*.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Từ chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định được thời gian từ ngày 03/12/2015 đến ngày 22/4/2017 ông Đ, bà M có mua lúa giống của HTX lúa giống 9 Táo – LK có trụ sở tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh T. Tuy nhiên, ông Đ và bà M không thanh toán được dẫn đến còn nợ số tiền 334.600.000 đồng.

Nguyên đơn cung cấp được "tờ cam kết" ghi ngày 14/8/2017 có ký ghi tên ông Đ và bà M, theo kết luận giám định số 73/KLGT-PC09(TL) ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định được: "chữ ký trong tờ cam kết so với mẫu so sánh là cùng một người ký ra". Ngoài ra, từ khi thụ lý đến đưa vụ án ra xét xử bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không đưa ra được chứng cứ khác để bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đủ cơ sở kết luận ông Đ, bà M

còn nợ tiền lúa giống của Hợp tác xã là 334.600.000 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày bổ sung trừ các lần bị đơn đơn chuyển khoản trả nợ là 36.600.000 đồng, còn nợ 298.000.000 đồng, nên đình chỉ một phần yêu cầu và buộc ông Đ và bà M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 298.000.000 đồng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật áp dụng.

- *Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52G8005412, ngày 10 tháng 11 năm 2015, tên: Hộ kinh doanh Thành Đạt; Bản sao tờ khai đăng ký kết hôn ngày 07/12/2018 của bà Nguyễn Xuân M, ông Nguyễn Tấn Đ; Biên bản xác minh tại Ủy ban xã A ngày 09/01/2019; tại Công an xã A1 ngày 20/2/2019; tại Công an xã A ngày 27/3/2019; Kết luận trưng cầu giám định số 73/KLGT-PC09(TL) ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo tài liệu Tòa án thu thập được là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52G8005412 của Hộ kinh doanh Thành Đạt do bà Nguyễn Xuân M đứng tên đại diện, thì tại mục 3. "ngành nghề đăng ký kinh doanh" không có đăng ký ngành nghề kinh doanh "sản xuất, thu mua và cung cứng lúa giống", do đó việc bà M, ông Đ mua bán lúa giống là không có giấy phép kinh doanh, nên xác định vụ án tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán.

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng yêu cầu này là giao dịch dân sự, đối tượng là mua bán lúa giống theo quy định Điều 428 Bộ luật dân sự. Về hình thức thì loại giao dịch này theo quy định điều 119 BLDS có thể thực hiện bằng thỏa thuận, không quy định bắt buộc về hình thức, việc giao dịch không vi phạm điều kiện của hợp đồng theo khoản 1 Điều 117 BLDS, nên hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán lúa giống giữa HTX lúa giống 9 Táo – LK với ông Đ, bà M là thực tế.

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn là tên ông Nguyễn Thành Đạt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại Ủy ban xã A ngày 09/01/2019, tại Công an xã A1 ngày 20/2/2019

và tại Công an xã A ngày 27/3/2019, xác định ông Nguyễn Tấn Đ không có tên gọi khác, là chủ hộ, số CMND số 352021919 và bà Nguyễn Xuân M, sinh năm 1956 là vợ, đăng ký hộ khẩu tại tổ 7, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định do không biết rõ nên ghi trong đơn không đúng, nên xác định lại họ tên của bị đơn như Tòa án xác minh. Do đó, Tòa án xác định lại bị đơn trong vụ án này là ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Xuân M, sinh năm 1956, cùng cư trú: tổ 7, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hợp đồng mua bán thấy rằng: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, cùng với các tài liệu chứng cứ, thì ông Đ và bà M cùng thực hiện hợp đồng mua lúa giống của Hợp tác xã, thời gian từ ngày 03/12/2015 đến ngày 22/4/2017 (có ghi chi tiết bằng danh sách công nợ không ghi ngày tháng). Nhưng ông Đ, bà M không thanh toán được dẫn đến còn nợ Hợp tác xã số tiền 334.600.000 đồng.

Nguyên đơn cung cấp được "tờ cam kết" ghi ngày 14/8/2017 có ký ghi tên ông Đ và bà M, theo kết luận giám định số 73/KLGT-PC09(TL) ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận: "tại mục 5.1. Chữ ký dưới mục "bên chồng" và "chồng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mẫu so sánh M1-M3 là cùng một người ký ra" và "tại mục 5.2. Chữ ký dưới mục "bên vợ" và "vợ" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mẫu so sánh M1-M3 là cùng một người ký ra". Do đó, chứng cứ này phù hợp theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định bị đơn có chuyển khoản các lần trả cụ thể:

+ Ngày 19/10/2017: Trả 15.000.000 đồng.
+ Ngày 23/12/2017: Trả 10.000.000 đồng.
+ Ngày 08/10/2018: Trả 3.000.000đ.
+ Ngày 07/12/2018: Trả 3.000.000 đồng.
+ Ngày 26/3/2019: Trả 4.000.000 đồng.
+ Ngày 12/6/2019: Trả 1.600.000 đồng.

Tổng 36.600.000 đồng, còn nợ lại 298.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định được ông Đ, bà M còn nợ Hợp tác xã 298.000.000 đồng. Do bị đơn vị phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn khoản nợ này.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2018 Hợp tác xã yêu cầu bị đơn trả 334.600.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định thay đổi một phần yêu cầu, do chưa trừ lại số tiền các lần bị đơn đã chuyển khoản trả được 36.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định một

phần thay đổi yêu cầu là rút một phần yêu cầu khởi kiện, do đó đình chỉ một phần yêu cầu này.

Theo ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở đình chỉ một phần và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đ, bà M có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã số tiền mua lúa giống còn nợ tổng cộng 298.000.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu. Nhưng nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền chi phí giám định 3.400.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, 161; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hợp tác xã đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Xuân M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của HTX lúa giống 9 Táo – LK đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Xuân M.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Xuân M có trách nhiệm trả cho HTX lúa giống 9 Táo – LK số tiền vốn mua lúa giống còn nợ là 298.000.000đ *(hai trăm, chín mươi tám triệu đồng)*.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Xuân M phải hoàn lại cho HTX lúa giống 9 Táo – LK số tiền 3.400.000 đồng *(ba triệu, bốn trăm ngàn đồng)*.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Xuân M phải chịu 14.900.000đ *(mười bốn triệu, chín trăm ngàn đồng)* tiền án phí.

Hợp tác xã được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 7.665.000đ *(bảy triệu. Sáu trăm, sáu mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số TU/2016/0014421 ngày 06 tháng 12 năm 2018.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THADS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP;

Võ Thị Ngọc Mỹ